

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHẤT LƯỢNG TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHẤT LƯỢNG TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL QUALITY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GQG.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110300221

3. Ngày thành lập: 28/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 66, ngõ 12 Phố Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0929 613 222

Fax:

Email: chatluongtoancauvn@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt - Thang máy, cầu thang tự động; - Các loại cửa tự động; - Hệ thống đèn chiếu sáng; - Hệ thống hút bụi; - Hệ thống âm thanh; - Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Dịch vụ đóng gói	8292

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
11.	Giáo dục nhà trẻ	8511
12.	Giáo dục mẫu giáo	8512
13.	Giáo dục tiểu học	8521
14.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
15.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
16.	Đào tạo sơ cấp	8531
17.	Đào tạo trung cấp	8532
18.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
19.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của trường chuyên biệt – Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	8559
21.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Loại trừ hoạt động tư vấn du học	8560
22.	Lập trình máy vi tính Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm	6201(Chính)
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
26.	Cổng thông tin (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội	6312
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
29.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán).	7020
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;	7110

- Thiết kế kỹ thuật các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.
- Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình.
- Lập quy hoạch xây dựng.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Giám sát thi công xây dựng công trình.
- Kiểm định xây dựng.
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông gồm các công việc tư vấn về chi phí đầu tư xây dựng như: Lập, thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Lập, thẩm tra: tổng mức đầu tư (gồm phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án), dự toán xây dựng (tổng dự toán dự án, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu); Lập, thẩm tra: định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Tư vấn về hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng;
- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;
- Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Tư vấn đấu thầu.
- Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án.
- Tư vấn đầu tư xây dựng gồm:
 - a) Lập nhiệm vụ, lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, lập nhiệm vụ thiết kế; thực hiện khảo sát xây dựng, giám sát khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có), Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;
 - b) Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm tra thiết kế công nghệ của dự án (nếu có); thẩm tra phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thi tuyển phương án kiến trúc; thiết kế xây dựng công trình; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, dự toán

	xây dựng.	
31.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
35.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
38.	Quảng cáo (Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm)	7310
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước)	7320
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ thương lượng; Tư vấn chứng khoán).	7490
42.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
43.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
46.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
47.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
48.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
49.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
53.	In ấn (Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm)	1811
54.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
55.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	1820

56.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
57.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
58.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
59.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
60.	Sản xuất máy luyện kim	2823
61.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
62.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
63.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
64.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ bất động sản)	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71.	Cơ sở lưu trú khác	5590
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
73.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ dịch vụ ăn uống hàng không)	5621
74.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
75.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
76.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm)	8020
79.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
80.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
81.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

82.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
83.	Xây dựng nhà để ở	4101
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Kinh doanh được phẩm.	4772

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HIỂN	Thôn Bùi, Xã Tiến Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000	80.000.000	1,000	038094010302	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.000	80.000.000	1,000		

2	NGỘ DOÃN TRỌNG	Tổ 76B, Khu 5B, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000	80.000.000	1,000	038099009972
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	8.000	80.000.000	1,000	
3	LA VĂN BIÊN	Thôn Lở, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	784.000	7.840.000.000	98,000	038079036661
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	784.000	7.840.000.000	98,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGỌ DOÃN TRỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/02/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038099009972

Ngày cấp: 28/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 76B, Khu 5B, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 76B, Khu 5B, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội